



**NGÂN HÀNG CÂU HỎI CHƯƠNG I
 PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA ĐA THỨC
 MÔN TOÁN 8**

Câu 1 : Hãy chọn mỗi câu ở cột A nối với một câu ở cột B để được một hằng đẳng thức :

A	B
1) $(a + b)^2$	a) $(a + b)(a - b)$
2) $(a + b)^3$	b) $a^2 - 2ab + b^2$
3) $(a - b)^2$	c) $a^3 + 3a^2b + 3ab^2 + b^3$
4) $a^2 - b^2$	d) $a^2 + 2ab + b^2$

- A. $1a - 2c - 3b - 4d$
- B. $1d - 2c - 3b - 4a$
- C. $1b - 2c - 3a - 4d$
- D. $1b - 2c - 3d - 4a$

Câu 2 : Hãy chọn mỗi câu ở cột A nối với một câu ở cột B để được một đẳng thức đúng :

A	B
1) $A \cdot (B + C)$	a) $A \cdot B - A \cdot C$
2) $(A + B)(C + D)$	b) $A \cdot B + A \cdot C$
3) $A \cdot (B - C)$	c) $A \cdot C - B \cdot C$
4) $(A - B) \cdot C$	d) $A \cdot C + A \cdot D + B \cdot C + B \cdot D$

- A. $1a - 2b - 3c - 4d$
- B. $1c - 2b - 3a - 4d$
- C. $1b - 2d - 3a - 4c$
- D. $1d - 2b - 3a - 4c$

Câu 3 : Hãy chọn mỗi câu ở cột A nối với một câu ở cột B để được một kết quả phân tích thành nhân tử đúng

A	B
1) $x^3 - 5x$	a) $(x - y)(x + y)$
2) $x^2 - y^2$	b) $3x^2y(1 + 2x)$
3) $x^2 + 2xy + y^2$	c) $(x + y)^2$



4) $3x^2y + 6x^3y$	d) $x(x^2 - 5)$
--------------------	-----------------

- A. $1d - 2a - 3c - 4b$
- B. $1a - 2b - 3c - 4d$
- C. $1b - 2c - 3d - 4a$
- D. $1d - 2c - 3a - 4b$

Câu 4 : Hãy chọn mỗi câu ở cột A nối với một câu ở cột B để được một bài tính đúng

A	B
1) $(x - 2)^2 : (x - 2)$	a) $4x^2y$
2) $(2x^3 - 6x^2) : 2x$	b) $x + 2$
3) $12x^3y^4 : 3xy^3$	c) $x^2 - 3x$
4) $(x^2 - 4) : (x - 2)$	d) $x - 2$

- A. $1b - 2c - 3a - 4d$
- B. $1b - 2a - 3d - 4c$
- C. $1d - 2c - 3b - 4a$
- D. $1d - 2c - 3a - 4b$

Câu 5: Khai triển hằng đẳng thức $(3x + 1)^2$ có kết quả là :

- A. $(3x - 1)(3x + 1)$
- B. $3x^2 + 6x + 1$
- C. $9x^2 + 6x + 1$
- D. $9x^2 + 3x + 1$

Câu 6 : Khai triển hằng đẳng thức $(x - 1)^3$ có kết quả là

- A. $(x - 1)(x^2 + x + 1)$
- B. $x^3 + 3x^2 - 3x - 1$
- C. $(x^2 - 1)(x + 1)$
- D. $x^3 - 3x^2 + 3x - 1$

Câu 7 : Khai triển hằng đẳng thức $x^3 + 27$ có kết quả là

- A. $(x - 3)(x^2 + 3x + 9)$
- B. $x^3 + 3x^2 + 9x + 27$
- C. $(x + 3)^3$
- D. $(x + 3)(x^2 - 3x + 9)$

Câu 8 : Phân tích đa thức $5x^2 + 10x$ thành nhân tử có kết quả là :

- A. $5x(x + 5)$



- B. $x(5x + 10)$
- C. $x(x + 2)$
- D. $5x(x + 2)$

Câu 9 : Phân tích đa thức $x^2 - 6x + 9$ thành nhân tử có kết quả là :

- A. $(x - 3)(x + 3)$
- B. $(x - 3)^2$
- C. $(x + 3)^2$
- D. $(x - 1)(x - 9)$

Câu 10 : Kết quả của phép chia $6x^4y^3 : 3xy$ là :

- A. $2x^3y^2$
- B. $3x^3y^2$
- C. $2x^4y^3$
- D. $3x^4y^2$

Câu 11 : Điền vào chỗ trống đơn thức còn thiếu $(5x + 1)^2 = 25x^2 + \dots\dots\dots + 1$

- A. $20x$
- B. $5x$
- C. $10x$
- D. $6x$

Câu 12 : Điền vào chỗ trống đơn thức còn thiếu $x^3 - 27 = (x - 3)(x^2 + \dots\dots\dots + 9)$

- A. $3x$
- B. $6x$
- C. $9x$
- D. x

Câu 13 : Kết quả của phép chia $(x^2 - 2x + 1) : (x - 1)$ là

- A. $x + 1$
- B. $x - 1$
- C. $x - 2$
- D. $x + 2$

Câu 14 : Kết quả của phép chia $(10x^5 - 25x^4 - 15x^3) : 5x^3$ là

- A. $2x^2 - 5x + 3$
- B. $2x^2 - 5x - 3$
- C. $5x^2 - 5x - 3$
- D. $5x^3 - 5x - 3$

Câu 15 : Hãy chọn câu sai :

- A. $(A + B).(C + D) = A.C + A.D + B.C + B.D$
- B. $A.(B - C) = A.B - A.C$
- C. $A.(B - C) = A.(C - B)$
- D. $A.(B - C) = -A.(C - B)$

Câu 16 : Hãy chọn câu sai :

- A. $9x + 3 = 3(3x + 1)$
- B. $2x^3 - 8x = 2x(x^2 - 8)$



- C. $x^2 + 10x + 25 = (x + 5)^2$
- D. $(x - y)^2 + 3x - 3y = (x - y)(x - y + 3)$

Câu 17 : Cho biểu thức $A = x^3 + 5x$, hãy chọn câu sai:

- A. Giá trị của biểu thức A tại $x = 2$ là 18
- B. Giá trị của biểu thức A tại $x = 1$ là 6
- C. Giá trị của biểu thức A tại $x = -1$ là -5
- D. Giá trị của biểu thức A tại $x = -1$ là -6

Câu 18 : Hãy chọn câu sai :

- A. $x^2 - 4 = (x + 2)(2 - x)$
- B. $x^2 - 4 = (x + 2)(x - 2)$
- C. $(x - 2)^2 = x^2 - 4x + 4$
- D. $(2 - x)^2 = (x - 2)^2$

Câu 19 : Phân tích đa thức $x^3 - 4x$ thành nhân tử có kết quả là :

- A. $x(x - 2)(x + 2)$
- B. $x(x^2 + 4)$
- C. $x(x - 2)^2$
- D. $x^2(x - 4)$

Câu 20 : Phân tích đa thức $x^2 - 4y^2$ có kết quả là :

- A. $(x - 4y)(x + 4y)$
- B. $(x - 2y)^2$
- C. $(x - y)(x + 4y)$
- D. $(x - 2y)(x + 2y)$

Thông hiểu

Câu 21. Khai triển hằng đẳng thức $(1 - 2x)^3$ có kết quả là :

- A. $1 - 6x + 6x^2 - 2x^3$
- B. $1 + 6x + 6x^2 + 2x^3$
- C. $1 - 6x + 12x^2 - 8x^3$
- D. $1 + 6x - 12x^2 - 8x^3$

Câu 22. Rút gọn biểu thức $(x - 3)(2x + 1)$ được kết quả là

- A. $2x^2 - 6x - 3$
- B. $2x^2 + 4x - 3$
- C. $2x^2 - 5x - 3$
- D. $2x^2 + x + 3$

Câu 23. Chọn câu đúng:

- A. $(2a - 1)^3 = 8a^3 - 12a^2 + 6a - 1$
- B. $(2a - 1)^3 = 8a^3 - 12a^2 + 6a + 1$
- C. $(2a - 1)^3 = 8a^3 - 12a^2 - 6a - 1$
- D. $(2a - 1)^3 = 8a^3 - 12a^2 - 6a + 1$

Câu 24. Phân tích đa thức $5x(x - 2) - 10y(x - 2)$ thành nhân tử được kết quả là:

- A. $5x(x - 2)$
- B. $(x - 2)(x - 2y)$
- C. $(x - 2)(5x - 10y)$
- D. $5(x - 2)(x - 2y)$



Câu 25. Chọn câu sai

- A. Giá trị của biểu thức $x(2x + 5)$ tại $x = 1$ là 7
- B. Giá trị của biểu thức $x^2(x + 2)$ tại $x = -1$ là -1
- C. Giá trị của biểu thức $-x(x + 3)$ tại $x = 2$ là -10.
- D. Giá trị của biểu thức $3x(4 - x)$ tại $x = 3$ là 9

Câu 26. Thực hiện phép tính: $(x^3 + 3x^2 + 3x + 1) : (x + 1)$

- A. $x^2 + 2x$
- B. $x^2 + 2x + 1$
- C. $2x + 1$
- D. $x^2 - 2x + 1$

Câu 27. Biểu thức rút gọn của $(2x + y)(4x^2 - 2xy + y^2)$ là

- A. $2x^3 - y^3$
- B. $x^3 - 8y^3$
- C. $8x^3 + y^3$
- D. $8x^3 - y^3$

Câu 28. Để biểu thức $x^3 + 6x^2 + 12x + m$ là lập phương của một tổng thì giá trị của m là:

- A. $m = 8$
- B. $m = 2$
- C. $m = 4$
- D. $m = 1$

Câu 29. Đa thức $14x^2y - 21xy^2 - 7x^2y^2$ phân tích thành nhân tử, ta được

- A. $xy(14x - 21y + 7xy)$
- B. $7xy(2x - 3y + xy)$
- C. $7x^2y(2 - 3y + xy)$
- D. $7xy^2(2x - 3 + xy)$

Câu 30. Thương của phép chia $(6x^5 - 2x^3 + 4x^2) : 2x^2$ bằng

- A. $3x^3 + x + 2$
- B. $3x^5 - x^3 + 2x^2$
- C. $3x^3 - x + 2$
- D. $6x^3 - 2x + 4$

Câu 31. Giá trị của biểu thức $P = (2x+1)(x+3)$ khi $x = 1$ là:

- A. 12
- B. 15
- C. 18
- D. -12

Câu 32. Đa thức $3x^2 - 3xy - 5x + 5y$ phân tích thành nhân tử là:

- A. $(x - y)(3x + 5)$
- B. $(3x - 5)(x - y)$
- C. $(x + y)(3x - 5)$
- D. $(x + y)(3x + 5)$

Câu 33. Giá trị của biểu thức $x^2 + 4x + 4$ tại $x = 8$ là

- A. $x = 90$
- B. $x = 100$
- C. $x = 110$
- D. $x = 120$

Câu 34. Tìm x, biết $(x + 2)(x - 1) - x^2 = 4$



- A. $x = -4$
- B. $x = 4$
- C. $x = 2$
- D. $x = -2$

Câu 35. Phân tích đa thức $5x(x - 3) - 2(3 - x)$ thành nhân tử, ta được:

- A. $(3 - x)(5x + 2)$
- B. $(x - 3)(5x - 2)$
- C. $(3 - x)(5x - 2)$
- D. $(x - 3)(5x + 2)$

Câu 36. Tìm giá trị của x biết $x \cdot (x - 3) = x^2 + 6$

- A. $x = 2$
- B. $x = -2$
- C. $x = 4$
- D. $x = 6$

Vận dụng:

Câu 37. phân tích đa thức $x^3 - 2x^2 + x$ thành nhân tử, ta được

- A. $x^2(x - 1)$
- B. $x^2(x + 1)$
- C. $x(x - 1)^2$
- D. $x(x + 1)^2$

Câu 38. Điền đơn thức vào chỗ trống $(3x + 2)(\dots - 6x + 4) = 27x^3 + 8$

- A. $3x^2$
- B. $9x$
- C. $9x^2$
- D. $3x$

Câu 39. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài là $(x + 5)$ (m) và có chiều rộng là $(x - 5)$ (m). Hỏi chiều dài của mảnh đất là bao nhiêu biết mảnh đất có diện tích là 24 m^2 .

- A. 12 m
- B. 14 m
- C. 10 m
- D. 15 m

Câu 40. Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài là $(x^2 - 4x + 16)$ (m) và chiều rộng là $(x + 4)$ (m). Hỏi diện tích của khu vườn là bao nhiêu (m^2) biết $x = 3$.

- A. 88
- B. 89
- C. 90
- D. 91

ĐÁP ÁN BÀI KIỂM TRA

CÂU	ĐÁP ÁN	CÂU	ĐÁP ÁN	CÂU	ĐÁP ÁN	CÂU	ĐÁP ÁN
1	B	11	C	21	C	31	A
2	C	12	A	22	C	32	B
3	A	13	B	23	A	33	B
4	D	14	B	24	D	34	C

